

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 1**MÔN: TIẾNG ANH 8 FRIENDS PLUS****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM**

I. Choose the word whose underlined part is pronounced differently from the others.

1.

- A. comic
- B. product
- C. popopular
- D. history

2.

- A. rose
- B. compose
- C. visual
- D. music

II. Choose the word which has a different stress pattern from the others.

3.

- A. delta
- B. entry
- C. jacket
- D. exhaust

4.

- A. violin
- B. instrument
- C. preference
- D. recipe

II. Choose the correct answers.

5. It's a very casual time for fashion and tradition at the moment when young generations are wearing Ao dai with _____.

- A. trainers
- B. tops
- C. dresses
- D. hats

6. The concept of a dance marathon is simple: _____ dance, move, or walk to music over the course of a long period of time.

- A. competitions
- B. competitors
- C. competing
- D. competitive

7. Blind people might develop supra-normal olfactory abilities, which means they have a very good _____ of smell.

- A. scent
- B. scenery
- C. scene
- D. sense

8. My friend is not _____ about K-pop. She is a big fan of Vietnamese pop music.

- A. crazy
- B. angry
- C. anxious
- D. mad

9. Have you ever felt totally _____?

- A. exhaust
- B. exhausting
- C. exhausted
- D. exhaustive

10. Some foreigners can't _____ the smell of durians.

- A. sit

- B. stand
- C. help
- D. hear

III. Give the correct forms of the verbs.

11. Look! The boys (play) _____ with the neighbour's dog.
12. I (not wake / often) _____ up before seven o'clock.
13. Please be quiet! Katy and I (talk) _____ on the phone.
14. _____ you (go) _____ out with your friends last night?
15. He (be) _____ very slim when he was a child. But now he (be) _____ so robust.
16. I (not finish) _____ the book yet.
17. John and Marry (get) _____ married last year and they (have) _____ a daughter.
18. Miles (wrote) _____ an essay yesterday.
19. We used to (go) _____ to school by bus.
20. The boys (never / travel) _____ abroad before.

IV. Supply the correct form of the word given in each sentence.

21. During your time at the _____, you'll have the chance to talk to the host family and find out how things are done in a very Vietnamese way. **(HOME)**
22. Sudoku X is a brand new and irresistible twist on the _____ worldwide puzzle craze. **(SENSE)**
23. Let us _____ this year the seventy-eight years of Viet Nam's independence. **(CELEBRATION)**
24. People in the mountainous area of Northern Viet Nam might be a little _____ inept, but they are the kindest people I know. **(SOCIETY)**
25. A nurse is _____ your son how to give a safe and almost pain-free injection. **(INSTRUCT)**
26. Although Rachel claims that she does not look good in pictures, I think that she is the most _____ student in our class. **(PHOTO)**

V. Read. Choose the correct answers.

Taste or gustation is one of the five traditional senses including hearing, sight, touch and smell. Humans can distinguish five basic tastes. Each and every one of them is a message that tells

us something about what we put into our mouth, so we can decide whether it should be eaten. A sweet taste can signal the presence of natural sugars and other carbohydrates found in many fruits and honey. **They** play an important role in giving and storing energy. Salty foods usually signal the presence of sodium. This element is necessary for maintaining our bodies' water balance and circulating the flow of blood and nutrients. Bitter tastes can signal the presence of 35 different proteins found in plants. However, some of them are unpleasant to taste and can be toxic. A sour taste can signal the presence of acidic solutions like lemon juice and organic acids. Acids may indicate that food is no longer healthy and suitable to eat. Umami or savoury comes from protein building blocks (amino acids) found naturally in protein-rich foods like meats and cheese.

27. The five basic tastes include sweet, salty, bitter, sour and savoury.

- A. True B. False

28. Sodium plays an important role in giving and storing energy.

- A. True B. False

29. What does the word "They" refer to?

- A. sugars and carbohydrates
B. blood and nutrients
C. lemon juice and acidic solutions
D. protein-rich foods

30. Why does the author mention "amino acids"?

- A. To explain how proteins can be found in meats and cheese.
B. To illustrate the use of protein building blocks in cooking.
C. To indicate that savory food can cause harm to human well-being.
D. To provide another biological term of the building blocks of proteins.

-----THE END-----

HƯỚNG DẪN GIẢI

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

1. D	2. C	3. D	4. A	5. A
6. B	7. D	8. A	9. C	10. B
11. are playing		12. don't often wake		13. are talking
14. Did you go		15. was; is		16. haven't finished
17. got; had		18. wrote		19. go
20. have never travelled		21. homestay		22. sensational
23. celebrate		24. socially		25. instructing
26. photogenic	27. A	28. B	29. A	30. D

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

1.

Kiến thức: Phát âm “o”**Giải thích:**

- A. comic /'kɑ:.mɪk/
- B. product /'prɑ:.dʌkt/
- C. popular /'pɑ:.pjə.lə/
- D. history /'hɪs.tə.i/

Các đáp án A, B, C âm “o” phát âm là /ɑ:/; đáp án D âm “o” phát âm là /ə/.

Đáp án D.

2.

Kiến thức: Phát âm “s”**Giải thích:**

- A. rose /rouz/
- B. compose /kəm'pouz/
- C. visual /'vɪʒ.u.əl/
- D. music /'mju:.zɪk/

Các đáp án A, B, D âm “s” phát âm là /z/; đáp án C âm “s” phát âm là /z/.

Đáp án C.

3.

Kiến thức: Trọng âm**Giải thích:**

A. delta /'del.tə/

B. entry /'en.tri/

C. jacket /'dʒæk.ɪt/

D. exhaust /ɪg'zɔːst/

Các đáp án A, B, C trọng âm rơi vào âm thứ 1, đáp án D trọng âm rơi vào âm thứ 2.

Đáp án D.

4.

Kiến thức: Trọng âm**Giải thích:**

A. violin /,vaɪə'lm/

B. instrument /'ɪn.strə.mənt/

C. preference /'pref.ərəns/

D. recipe /'res.ə.pi/

Các đáp án B, C, D trọng âm rơi vào âm thứ 1, đáp án A trọng âm rơi vào âm thứ 3.

Đáp án A.

5.

Kiến thức: Từ vựng**Giải thích:**

A. trainers (n): giày thể thao

B. tops (n): áo

C. dresses (n): váy

D. hats (n): mũ

Tạm dịch: Đây là thời điểm rất bình thường đối với thời trang và truyền thống khi các thế hệ trẻ mặc áo dài với giày thể thao.**Đáp án A.**

6.

Kiến thức: Từ loại**Giải thích:**

- A. competitions (n): cuộc thi
- B. competitors (n): các thí sinh, đối thủ
- C. competing (gerund): cạnh tranh
- D. competitive (adj): có tính cạnh tranh

Vị trí còn trống cần điền một danh từ chỉ người làm chủ ngữ cho câu.

Tạm dịch: Khái niệm về khiêu vũ marathon rất đơn giản: các thí sinh nhảy, di chuyển hoặc đi bộ theo nhạc trong một khoảng thời gian dài.

Đáp án B.

7.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. scent: mùi hương
- B. scenery: phong cảnh
- C. scene: khung cảnh
- D. sense: giác quan

Tạm dịch: Người khiếm thị có thể phát triển khả năng khứu giác siêu thường, nghĩa là họ có khứu giác rất tốt.

Đáp án D.

8.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. crazy (adj): điên (be crazy about sth: thích điên cuồng, say mê cái gì)
- B. angry (adj): tức giận
- C. anxious (adj): lo lắng
- D. mad (adj): điên

Tạm dịch: Bạn tôi không cuồng K-pop. Cô là một fan cuồng nhiệt của nhạc pop Việt Nam.

Đáp án A.

9.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. exhaust (v): làm kiệt sức
- B. exhausting (adj): gây kiệt sức
- C. exhausted (adj): kiệt sức
- D. exhaustive (adj): toàn diện

Vị trí còn trống cần điền một tính từ chỉ trạng thái con người; cấu trúc “feel (+ adv) + adj”.

Tạm dịch: Bạn đã bao giờ cảm thấy hoàn toàn kiệt sức chưa?

Đáp án C.

10.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích: Cấu trúc “can’t stand + N/V-ing”: không thể chịu đựng cái gì.

Tạm dịch: Một số người nước ngoài không thể chịu được mùi sả riêng.

Đáp án B.

11.

Kiến thức: Hiện tại tiếp diễn

Giải thích: Câu diễn tả hành động diễn ra ngay tại thời điểm nói; dấu hiệu: “Look!”: Nhìn kìa!. Chủ ngữ “the boys” là danh từ đếm được số nhiều => động từ tobe chia “are”.

Tạm dịch: Nhìn kìa! Các cậu bé đang chơi với con chó nhà hàng xóm.

Đáp án: are playing.

12.

Kiến thức: Hiện tại đơn

Giải thích: Dấu hiệu: câu có trạng từ chỉ tần suất “often” nên động từ chia hiện tại đơn.

Tạm dịch: Tôi không thường xuyên thức dậy trước 7 giờ.

Đáp án: don't often wake.

13.

Kiến thức: Hiện tại tiếp diễn

Giải thích: Câu diễn tả hành động diễn ra ngay tại thời điểm nói; dấu hiệu: “Please be quiet!”: Làm ơn giữ yên lặng => động từ chia hiện tại tiếp diễn.

Tạm dịch: Xin hãy im lặng! Katy và tôi đang nói chuyện điện thoại.

Đáp án: are talking.

14.

Kiến thức: Quá khứ đơn

Giải thích: Câu có “last night”: đêm qua => động từ chia thì quá khứ đơn.

Tạm dịch: Tối qua bạn có đi chơi với bạn bè không?

Đáp án: Did you go.

15.

Kiến thức: Quá khứ đơn; Hiện tại đơn

Giải thích: Ở câu thứ nhất, vế sau ở thì quá khứ đơn => động từ phía trước chia thì quá khứ đơn. Ở câu thứ hai, dấu hiệu: có từ “now” => động từ chia hiện tại đơn.

Tạm dịch: Khi còn nhỏ anh ấy rất mảnh khảnh. Nhưng bây giờ anh ấy rất mạnh mẽ.

Đáp án: was; is.

16.

Kiến thức: Hiện tại hoàn thành

Giải thích: Dấu hiệu: câu có từ “yet” => động từ chia thì hiện tại hoàn thành.

Tạm dịch: Tôi vẫn chưa đọc xong cuốn sách.

Đáp án: haven't finished.

17.

Kiến thức: Quá khứ đơn

Giải thích: Câu có “last year” => động từ chia thì quá khứ đơn.

Tạm dịch: John và Marry kết hôn năm ngoái và họ có một cô con gái.

Đáp án: got; had.

18.

Kiến thức: Quá khứ đơn

Giải thích: Câu có “yesterday” => động từ chia thì quá khứ đơn.

Tạm dịch: Miles đã viết một bài luận ngày hôm qua.

Đáp án: wrote.

19.

Kiến thức: Từ loại

Giải thích: Cấu trúc “used to + V-inf”: đã từng hay làm gì.

Tạm dịch: Chúng tôi từng hay đến trường bằng xe buýt.

Đáp án: go.

20.

Kiến thức: Hiện tại hoàn thành

Giải thích: Câu có “before” => động từ chia thì hiện tại hoàn thành.

Tạm dịch: Các chàng trai chưa bao giờ đi du lịch nước ngoài trước đây.

Đáp án: have never travelled.

21.

Kiến thức: Từ loại

Giải thích: Vị trí còn trống cần điền một danh từ.

Tạm dịch: Trong thời gian ở nhà dân, bạn sẽ có cơ hội trò chuyện với gia đình chủ nhà và tìm hiểu cách thực hiện mọi việc theo cách rất Việt Nam.

Đáp án: homestay.

22.

Kiến thức: Từ loại

Giải thích: Vị trí còn trống cần điền một tính từ bổ nghĩa cho cụm danh từ phía sau.

Tạm dịch: Sudoku X là một trò chơi hoàn toàn mới và hấp dẫn trong cơn sốt giải đố giật gân trên toàn thế giới.

Đáp án: sensational.

23.

Kiến thức: Từ loại

Giải thích: Cấu trúc câu mệnh lệnh: “let sb V-inf”.

Tạm dịch: Năm nay chúng ta hãy kỷ niệm 78 năm ngày độc lập của Việt Nam.

Đáp án: celebrate.

24.

Kiến thức: Từ loại

Giải thích: Vị trí còn trống cần điền một trạng từ bổ nghĩa cho tính từ “inept” phía sau.

Tạm dịch: Người dân miền núi phía Bắc Việt Nam có thể hơi khó hòa nhập với xã hội nhưng họ là những người tử tế nhất mà tôi biết.

Đáp án: socially.

25.

Kiến thức: Hiện tại tiếp diễn

Giải thích: Phía trước có động từ tobe và phía sau là tân ngữ nên vị trí còn trống ta cần điền một động từ đuôi -ing thì hiện tại tiếp diễn.

Tạm dịch: Một y tá đang hướng dẫn con trai bạn cách tiêm thuốc an toàn và hầu như không gây đau đớn.

Đáp án: instructing.

26.

Kiến thức: Từ loại

Giải thích: Vị trí còn trống cần một tính từ bổ nghĩa cho danh từ “student”.

Tạm dịch: Mặc dù Rachel nói rằng cô ấy trông không đẹp khi chụp ảnh nhưng tôi nghĩ rằng cô ấy là học sinh ăn ảnh nhất trong lớp chúng tôi.

Đáp án: photogenic.

27.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Năm vị cơ bản bao gồm ngọt, mặn, đắng, chua và mận. => Đúng.

Đáp án: A.

28.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Natri đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp và dự trữ năng lượng. => Sai.

Thông tin: Salty foods usually signal the presence of sodium. This element is necessary for maintaining our bodies' water balance and circulating the flow of blood and nutrients.

Tạm dịch: Thức ăn mặn thường báo hiệu sự hiện diện của natri. Yếu tố này cần thiết để duy trì sự cân bằng nước trong cơ thể chúng ta và lưu thông dòng máu và chất dinh dưỡng.

Đáp án: B.

29.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Từ “They” ám chỉ đi đâu gì?

- A. đường và carbohydrate
- B. máu và chất dinh dưỡng
- C. Nước chanh và dung dịch axit
- D. thực phẩm giàu protein

Thông tin: A sweet taste can signal the presence of natural sugars and other carbohydrates found in many fruits and honey. They (natural sugars and other carbohydrates) play an important role in giving and storing energy.

Tạm dịch: Vị ngọt có thể báo hiệu sự hiện diện của đường tự nhiên và các loại carbohydrate khác có trong nhiều loại trái cây và mật ong. Chúng đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp và lưu trữ năng lượng.

Đáp án: A.

30.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Tại sao tác giả lại nhắc tới “axit amin”?

- A. Giải thích tại sao protein có thể được tìm thấy trong thịt và phô mát.
- B. Để minh họa việc sử dụng các khối xây dựng protein trong nấu ăn.
- C. Để chỉ ra rằng thức ăn mặn có thể gây hại cho sức khỏe con người.
- D. Để cung cấp một thuật ngữ sinh học khác cho các đơn vị cấu tạo nên protein.

Thông tin: Umami or savoury comes from protein building blocks (amino acids) found naturally in protein-rich foods like meats and cheese.

Tạm dịch: Vị umami hay vị đậm đà đến từ các khối xây dựng protein (axit amin) được tìm thấy tự nhiên trong thực phẩm giàu protein như thịt và phô mai.

Đáp án D.

Dịch bài đọc:

Vị hay vị giác là một trong năm giác quan truyền thống bao gồm thính giác, thị giác, xúc giác và khứu giác. Con người có thể phân biệt năm vị cơ bản. Mỗi thứ trong số chúng đều là một thông điệp cho chúng ta biết điều gì đó về những gì chúng ta đưa vào miệng, để chúng ta có thể quyết định xem có nên ăn nó hay không. Vị ngọt có thể báo hiệu sự hiện diện của đường tự nhiên và các loại carbohydrate khác có trong nhiều loại trái cây và mật ong. Chúng đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp và lưu trữ năng lượng. Thức ăn mặn thường báo hiệu sự hiện diện của natri. Yếu tố này cần thiết để duy trì sự cân bằng nước trong cơ thể chúng ta và lưu thông dòng máu và chất dinh dưỡng. Vị đắng có thể báo hiệu sự hiện diện của 35 loại protein khác nhau được tìm thấy trong thực vật. Tuy nhiên, một số trong số chúng có mùi vị khó chịu và có thể độc hại. Vị chua có thể báo hiệu sự hiện diện của dung dịch axit như

nước chanh và axit hữu cơ. Axit có thể cho thấy thực phẩm không còn tốt cho sức khỏe và phù hợp để ăn. Vị umami hay vị đậm đà đến từ các khối xây dựng protein (axit amin) được tìm thấy tự nhiên trong thực phẩm giàu protein như thịt và phô mai.